

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**CHUNG PHƯƠNG ANH**

**SO SÁNH PHÁP LUẬT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN  
Ở VIỆT NAM VỚI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

*Chuyên ngành: Luật Kinh tế*  
*Mã số: 60 38 50*

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2014**

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG**

*Phản biện 1:* .....

*Phản biện 2:* .....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

**MỞ ĐẦU** ..... 1

## **Chương 1: THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ QUẢN LÝ THUẾ**

**THU NHẬP CÁ NHÂN**..... 5

**1.1. Khái quát về thuế và thuế thu nhập cá nhân** ..... 5

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của thuế ..... 5

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân..... 8

1.1.3. Vai trò của thuế thu nhập cá nhân..... 11

**1.2. Quản lý thuế thu nhập cá nhân**..... 14

1.2.1. Khái niệm quản lý thuế thu nhập cá nhân..... 14

1.2.2. Nội dung quản lý thuế thu nhập cá nhân..... 16

1.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thuế thu nhập cá nhân ..... 26

**KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**..... 29

## **Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI** ..... 30

**2.1. Thực trạng pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam hiện nay** ..... 30

2.1.1. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể theo pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân..... 30

2.1.2. Thực trạng pháp luật về thủ tục hành chính trong quản lý thuế thu nhập cá nhân..... 33

2.1.3. Thực trạng pháp luật về giám sát và bảo đảm sự tuân thủ pháp luật trong quản lý thuế thu nhập cá nhân .....	54
2.1.4. Thực trạng quản lý thuế thu nhập cá nhân của một số loại thu nhập cụ thể.....	65
<b>2.2. Kinh nghiệm một số nước về quản lý thuế thu nhập cá nhân .....</b>	<b>70</b>
2.2.1. Về pháp luật thuế thu nhập cá nhân .....	70
2.2.2. Về pháp luật quản lý thuế.....	74
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>90</b>
<b>Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>91</b>
<b>3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam .....</b>	<b>91</b>
<b>3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân .....</b>	<b>95</b>
3.2.1. Quy định về quản lý thuế .....	95
3.2.2. Quy định của pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công.....	103
3.2.3. Quản lý thuế thu nhập cá nhân đối với những khoản thu không thường xuyên.....	105
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....</b>	<b>109</b>
<b>KẾT LUẬN CHUNG .....</b>	<b>110</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>111</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là một công cụ quan trọng của Nhà nước, nó vừa đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, vừa là công cụ để điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Để sử dụng hiệu quả công cụ thuế, về cơ bản hệ thống chính sách thuế gồm có thuế gián thu và thuế trực thu. Thuế gián thu như thuế Giá trị gia tăng (GTGT), thuế Tiêu thụ đặc biệt, thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu. Thuế trực thu như thuế Thu nhập cá nhân (TNCN), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

Trong thời gian qua cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, thu nhập của các tầng lớp dân cư cũng tăng lên đáng kể, thu nhập giữa nhóm người có thu nhập cao và nhóm người có thu nhập thấp cũng có xu hướng ngày càng tăng. Đối tượng nộp thuế TNCN và hình thức thu nhập của các bộ phận dân cư và người lao động cũng đa dạng. Trong những năm gần đây, các thị trường tài chính, tiền tệ, vốn, lao động có sự phát triển mạnh mẽ. Nền kinh tế tăng trưởng nhanh tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có cơ hội đầu tư, sản xuất kinh doanh, có thêm nhiều nguồn thu nhập. Bên cạnh đó, cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, một số người nước ngoài làm ăn sinh sống tại Việt Nam và số người Việt Nam có thu nhập từ nước ngoài cũng tăng lên. Sự đa dạng và gia tăng thu nhập của các cá nhân trong xã hội sẽ làm cho khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư ngày càng lớn. Với tình hình đó, có thể thấy thuế TNCN ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

Ở nước ta hiện nay, quản lý thuế nói chung và quản lý thuế thu nhập cá nhân nói riêng còn nhiều hạn chế. Nếu chúng ta không sớm khắc phục những hạn chế này thì sẽ gặp rất nhiều bất lợi trước ngưỡng cửa hội nhập kinh tế toàn cầu. Chính vì thế, công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam cần phải được hoàn thiện để đáp ứng những yêu cầu của thực tiễn.

Mặc dù, thuế TNCN đã được đưa vào áp dụng ở Việt Nam từ năm 1991 với tên gọi “Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao”, song từ khi Chính phủ công bố dự thảo lần đầu cho đến khi công bố luật thuế TNCN đến nay thì vẫn còn những tranh cãi vướng mắc xung quanh vấn đề này. Với đề tài: “SO SÁNH PHÁP LUẬT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM VỚI MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI”, cá nhân em mong muốn góp ý kiến đánh giá nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân để chống lại nạn thất thu thuế thu nhập cá nhân và tăng ngân sách Nhà nước.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Vấn đề quản lý thuế nói chung và quản lý thuế thu nhập cá nhân nói riêng đã và đang nhận được sự quan tâm của nhiều cá nhân, cơ quan và tổ chức. Cho tới nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này, có thể kể tên một số công trình tiêu biểu sau:

- Vũ Văn Cương (2012), *Pháp luật quản lý thuế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam – những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Vương Hoàng Long (2000), *Hoàn thiện tổ chức bộ máy ngành thuế trong điều kiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

- Một số luận văn thạc sĩ luật học, khóa luận tốt nghiệp của Trường Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội và các cơ sở khác.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu của các công trình nêu trên và các tài liệu khác có liên quan đến pháp luật về quản lý thuế và thuế thu nhập cá nhân, luận án đã tiếp cận những quy định của pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam và pháp luật quản lý thuế ở một số quốc gia trên thế giới để từ đó rút ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân.

### **3. Mục đích nghiên cứu của đề tài**

Luận văn nghiên cứu và làm sáng tỏ những lý luận cơ bản và thực trạng pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở phân tích thực trạng pháp luật quản lý thuế nói chung và pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân đối với một số loại thu nhập cụ thể để nhận thấy những ưu nhược điểm của pháp luật hiện hành trong lĩnh vực này, từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật quản lý thuế thu nhập ở Việt Nam hiện nay.

### **4. Phạm vi nghiên cứu**

Trong phạm vi của một luận văn Thạc sĩ, đề tài tập trung nghiên cứu về những hạn chế trong pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam, đưa ra mô hình quản lý thuế thu nhập cá nhân của một số quốc gia trên thế giới để từ đó tìm ra những giải pháp, học hỏi kinh nghiệm quản lý thuế từ các quốc gia nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý thuế thu nhập tại Việt Nam.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn đã dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, với phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong mối tương quan với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước. Trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, luận văn còn dựa trên cơ sở quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra luận văn còn sử dụng một số phương pháp khác như phương pháp thống kê, phân tích tổng hợp, mô tả và so sánh, kết hợp nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn.

### **6. Điểm mới của Luận văn**

- *Thứ nhất*, luận văn đã khái quát một cách hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý thuế cũng như pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam để làm nổi bật lên vấn đề lý luận cơ bản về quản lý thuế thu nhập cá nhân ở nước ta.

- *Thứ hai*, luận văn đưa ra những nhận xét cụ thể về ưu, nhược điểm

của pháp luật Việt Nam về quản lý thuế thu nhập cá nhân. Kế thừa các quy định quản lý thuế thu nhập cá nhân ở một số quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở đó, luận văn mạnh dạn đề xuất những giải pháp cụ thể để hoàn thiện hơn nữa pháp luật về quản lý thuế thu nhập, cũng như giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương:

**Chương 1:** Thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế thu nhập cá nhân

**Chương 2:** Thực trạng pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam và pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân ở một số nước trên thế giới

**Chương 3:** Định hướng hoàn thiện pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam và một số kiến nghị

## **Chương 1**

# **THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN VÀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN**

## **1.1 Khái quát về thuế và thuế thu nhập cá nhân**

### ***1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của thuế***

#### ***1.1.1.1 Khái niệm***

*Thuế là một khoản đóng góp bắt buộc của các tổ chức, cá nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định, không mang tính chất hoàn trả trực tiếp, nhằm sử dụng cho mục đích chung toàn xã hội.*

#### ***1.1.1.2 Đặc điểm của thuế***

Thứ nhất, thuế là khoản thu nộp bắt buộc vào ngân sách Nhà nước

Thứ hai, thuế gắn với yếu tố quyền lực

Thứ ba, thuế không mang tính đối giá, hoàn trả trực tiếp



Thứ tư, thuế có phạm vi áp dụng rộng

### **1.1.2 Khái niệm và đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân**

#### **1.1.2.1 Khái niệm thuế thu nhập cá nhân**

*Thuế thu nhập cá nhân là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập của mỗi cá nhân trong xã hội trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm).*

#### **1.1.2.2 Đặc điểm của thuế thu nhập cá nhân**

Thu nhập chịu điều tiết của thuế sẽ căn cứ vào cụ thể nguồn gốc phát sinh của các khoản thu nhập và căn cứ vào đặc điểm cư trú hay một số đặc điểm khác tùy theo luật của từng nước.

Do đối tượng nộp thuế đồng thời cũng chính là đối tượng chịu thuế nên thuế thu nhập cá nhân được xếp vào loại thuế trực thu.

Thuế thu nhập cá nhân thông thường là loại thuế lũy tiến.

Thuế thu nhập cá nhân là một loại thuế phức tạp và mang tính trung lập đối với cơ cấu kinh tế.

### **1.1.3 Vai trò của thuế thu nhập cá nhân**

Thuế thu nhập cá nhân góp phần quan trọng bảo đảm nguồn thu ngân sách Nhà nước.

Thuế thu nhập cá nhân góp phần đảm bảo tính công bằng và giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.

Thuế thu nhập cá nhân làm cho mỗi người dân có ý thức hơn về nghĩa vụ và quyền của mình đối với Nhà nước.

## **1.2 Quản lý thuế thu nhập cá nhân**

### **1.2.1 Khái niệm**

Quản lý thuế thu nhập cá nhân là sự tác động có chủ đích của các cơ quan chức năng trong bộ máy Nhà nước đối với quá trình tính và thu thuế thu nhập cá nhân để thay đổi quá trình này nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách và đạt được các mục tiêu Nhà nước đặt ra.

### **1.2.2 Nội dung quản lý thuế thu nhập cá nhân**

Nội dung chủ yếu của quản lý thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thiết

kế chính sách thuế thu nhập cá nhân và thể chế hóa thành pháp luật thuế thu nhập cá nhân; xây dựng tổ chức bộ máy quản lý thuế thu nhập cá nhân và tổ chức thực hiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân.

*1.2.2.1 Thiết kế chính sách thuế và thể chế hóa thành pháp luật thuế thu nhập cá nhân*

a) Chính sách thuế thu nhập cá nhân

Những nội dung cơ bản của chính sách thuế nói chung và chính sách thuế thu nhập cá nhân nói riêng bao gồm:

- Mục tiêu của chính sách thuế
- Phạm vi tác động của chính sách thuế
- Thời gian hiệu lực của chính sách
- Trách nhiệm thực hiện chính sách thuế
- Phương châm chính sách

Ngoài ra, chính sách thuế có thể bao gồm các nội dung khác như: bối cảnh kinh tế - xã hội, ...

b) Pháp luật thuế thu nhập cá nhân

Nội dung về quản lý thuế thu nhập cá nhân, được chia thành 3 nhóm như sau:

*Nhóm 1:* Các thủ tục hành chính thuế, bảo đảm các điều kiện cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế đầy đủ, đúng hạn, bao gồm: Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế; Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế; Xóa nợ thuế, tiền phạt.

*Nhóm 2:* Giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế của cơ quan quản lý thuế đối với người nộp thuế, bao gồm: Quản lý thông tin về người nộp thuế; Kiểm tra thuế, thanh tra thuế.

*Nhóm 3:* Các chế tài bảo đảm các chính sách thuế được thực thi có hiệu lực, hiệu quả, bao gồm: Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Xử lý vi phạm pháp luật về thuế; Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.

*1.2.2.2 Tổ chức bộ máy quản lý thuế thu nhập cá nhân*

Hiện nay trên thế giới có các mô hình tổ chức bộ máy quản lý thuế như sau:

- \* Mô hình tổ chức theo sắc thuế
- \* Mô hình tổ chức theo chức năng
- \* Mô hình tổ chức theo đối tượng nộp thuế
- \* Mô hình tổ chức bộ máy hỗn hợp

### *1.2.2.3 Thực hiện quản lý thuế thu nhập cá nhân*

- a) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuế thu nhập cá nhân
- b) Hỗ trợ người nộp thuế
- c) Quản lý thu thuế thu nhập cá nhân
- d) Thanh tra thuế thu nhập cá nhân
- đ) Cường chế thuế thu nhập cá nhân

## **1.2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thuế thu nhập cá nhân**

### *1.2.3.1 Luật thuế thu nhập cá nhân*

Luật thuế thu nhập cá nhân là cơ sở, là tiền đề cho xây dựng pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân. Luật thuế thu nhập cá nhân nếu được quy định đơn giản, rõ ràng, ổn định, ít có ngoại lệ thì pháp luật quản lý thuế sẽ giảm tính phức tạp, quy trình, thủ tục triển khai thực hiện được dễ dàng, thuận tiện.

### *1.2.3.2 Tổ chức quản lý thu thuế*

Hiệu quả hoạt động của việc tổ chức quản lý thu thuế phụ thuộc rất nhiều vào đội ngũ cán bộ thu thuế và cách thức tổ chức đội ngũ này. Đồng thời với việc sắp xếp tổ chức đội ngũ cán bộ khoa học, có phân công trách nhiệm và công việc rõ ràng thì sẽ càng góp phần tăng tính hiệu quả của bộ máy hành thu.

### *1.2.3.3 Tình hình kinh tế và mức sống người dân*

Hiệu quả công tác quản lý thu thuế thu nhập cá nhân phụ thuộc không nhỏ vào mức độ phát triển kinh tế và đời sống của dân cư.

### *1.2.3.4 Ý thức chấp hành pháp luật thuế của đối tượng nộp thuế*

Văn hóa tuân thủ thuế là một yếu tố quan trọng trong việc xác định nội dung điều chỉnh của pháp luật.

### *1.2.3.5 Trình độ, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ thuế*

Trình độ đội ngũ cán bộ thuế đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý thuế, đặc biệt là thuế thu nhập cá nhân.

## **Chương 2**

# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI**

## **2.1 Thực trạng pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam hiện nay**

### ***2.1.1 Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể theo pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân***

#### ***2.1.1.1 Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế***

Luật Quản lý thuế quy định quyền của người nộp thuế theo đó có thể chia các quyền của người nộp thuế thành ba nhóm như sau:

- Nhóm quyền của người nộp thuế trong quá trình kê khai, nộp thuế.
- Nhóm quyền của người nộp thuế trong việc thực hiện thanh tra, kiểm tra và xác định số thuế phải nộp của cơ quan thuế.
- Nhóm quyền của người nộp thuế liên quan đến khiếu nại, tố cáo và bồi thường thiệt hại.

Bên cạnh đó, người nộp thuế có nghĩa vụ đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, có quyền yêu cầu hoàn thuế, giảm thuế, miễn thuế, gia hạn thuế. Điều 7 Luật Quản lý thuế năm 2006 quy định nghĩa vụ của người nộp thuế theo đó có thể phân làm hai nhóm như sau:

- Nghĩa vụ của người nộp thuế trong quá trình đăng ký, kê khai, nộp thuế.
- Nghĩa vụ của người nộp thuế trong việc thực hiện thanh tra, kiểm tra thuế của cơ quan thuế.

Bên cạnh hai nhóm nghĩa vụ trên pháp luật quản lý thuế còn quy định người nộp thuế phải có nghĩa vụ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trong trường hợp người đại diện theo

pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền thay mặt người nộp thuế thực hiện thủ tục về thuế sai quy định.

### *2.1.1.2 Quyền và nghĩa vụ của cơ quan thuế*

Thực chất, nghĩa vụ của người nộp thuế song song với quyền thu thuế của Nhà nước, còn quyền của người nộp thuế gắn với quyền yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền lợi của mình trong quá trình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.

Điều 9 Luật Quản lý thuế 2006 và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2012 có quy định quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, theo đó quyền của có thể chia làm hai nhóm:

- *Thứ nhất*, trong quá trình kê khai nộp thuế, cơ quan thuế có quyền ấn định thuế, quyết định hoàn thuế, giảm thuế, miễn thuế, gia hạn thuế, xóa nợ và tiền phạt.

- *Thứ hai*, cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế và xử lý vi phạm (xử phạt vi phạm pháp luật về thuế theo thẩm quyền; công khai trên phương tiện thông tin đại chúng các trường hợp vi phạm pháp luật về thuế; áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của pháp luật).

Về trách nhiệm của cơ quan thuế, theo Điều 8 Luật Quản lý thuế 2006 và Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế năm 2012 thì trách nhiệm của cơ quan thuế có thể phân chia làm ba nhóm như sau:

- *Thứ nhất*, trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện thu thuế, thực hiện quá trình kê khai, nộp thuế của người nộp thuế.

- *Thứ hai*, trách nhiệm của cơ quan thuế trong quá trình thanh tra, kiểm tra thuế và xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

- *Thứ ba*, trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc giải quyết khiếu nại tố cáo và bồi thường thiệt hại.

## ***2.1.2 Thực trạng pháp luật về thủ tục hành chính trong quản lý thuế thu nhập cá nhân***

### ***2.1.2.1 Về đăng ký thuế***

Theo quy định của pháp luật, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh có nghĩa vụ phải đăng ký thuế. Luật quản lý thuế năm 2006 (từ Điều 21 đến Điều 29) đã quy định các nội dung gồm: Đối tượng phải đăng ký thuế, thời hạn đăng ký thuế, hồ sơ đăng ký thuế, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế, thời hạn cấp và các loại Giấy chứng nhận đăng ký thuế (cấp mới, cấp lại...). Ngoài ra, Luật quản lý thuế còn quy định về mã số thuế và việc sử dụng mã số thuế đối với người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế và với cơ quan liên quan; quy định các trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế và thủ tục chấm dứt mã số thuế và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký thuế...

### ***2.1.2.2 Về khai thuế***

Sau nghĩa vụ đăng ký thuế, người nộp thuế được cơ quan quản lý thuế cấp mã số thuế cá nhân, nghĩa vụ tiếp theo của người nộp thuế đó là thực hiện kê khai chính xác, trung thực, đầy đủ các thông tin vào tờ mẫu khai thuế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.

So với cơ chế “thông báo thuế” trước đây thì cơ chế “tự khai, tự nộp thuế” đem lại rất nhiều lợi ích cho các chủ thể của pháp luật thuế. Với cơ chế tự khai nộp, tính tự giác chấp hành nghĩa vụ của người dân là quan trọng nhất. Hiện nay, có rất nhiều chủ thể nhất là những cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh nhỏ lẻ không kê khai thuế hoặc nếu có kê khai thì cũng tìm đủ mọi cách, để “né” thuế, loại bỏ rất nhiều các khoản thu nhập trên thực tế.

Theo quy định của pháp luật, thời hạn nộp hồ sơ kê khai thuế là khá ngắn, nhanh nhất là trong 10 ngày phải nộp hồ sơ và lâu nhất là khoảng 3 tháng để nộp hồ sơ và tùy từng loại kê khai lại có thời hạn khác nhau.

Với cơ chế kê khai hiện nay, việc quản lý thuế của cơ quan quản lý thuế đã được chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Nghĩa là, các

thông tin mà người nộp thuế kê khai trong hồ sơ kê khai thuế, cơ quan thuế sẽ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ mà không kiểm tra tính chính xác, trung thực của thông tin. Trách nhiệm này được luật quy định thuộc về người nộp thuế. Quy định này thực tế cũng tạo ra những kẻ hở nhất định cần phải hoàn thiện.

### *2.1.2.3 Quản lý giảm trừ gia cảnh*

Mục đích của khoản giảm trừ gia cảnh nhằm tính đến hoàn cảnh cá nhân của đối tượng nộp thuế, điều này làm cho việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của mỗi đối tượng nộp thuế được công bằng hơn. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số bất cập:

#### *\* Về phía người nộp thuế:*

Với cơ chế tự kê khai – tự nộp, phụ thuộc hoàn toàn vào ý thức của người nộp thuế.

Ngoài ra, việc chứng minh “sự phụ thuộc” còn mang tính tương đối. Nhiều cá nhân lợi dụng quy định này của pháp luật, việc đối tượng chịu thuế kê khai họ có bao nhiêu người phụ thuộc hoàn toàn dựa trên cơ chế tự kê – tự khai, pháp luật không đặt ra cơ chế riêng quản lý, kiểm soát việc kê khai nộp thuế của đối tượng chịu thuế nên trên thực tế có thể giữa họ không có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc, phụng dưỡng.

#### *\* Về phía cơ quan quản lý thuế:*

Với khối lượng thông tin khổng lồ từ những người nộp thuế khác nhau, cơ quan quản lý thuế đã thực hiện trách nhiệm quản lý những thông tin này đến đâu. Sự chuyên tâm, sát sao với công việc đã được họ thực hiện đúng đắn hay chưa. Kinh nghiệm nước ngoài cho thấy các khoản được giảm trừ có thể thực hiện theo 2 loại: giảm trừ cá nhân và giảm trừ tiêu chuẩn.

*Giảm trừ cá nhân* được thực hiện theo phương pháp kê khai chi phí thực tế phát sinh đối với các khoản được phép giảm trừ. Để đơn giản hoá chính sách và giảm nhẹ công tác quản lý, các nước chậm phát triển thường áp dụng hình thức *giảm trừ tiêu chuẩn* vì không có đủ tiêu chuẩn để áp

dụng hình thức giảm trừ cá nhân. Theo đó, mức khởi điểm chịu thuế là mức thu nhập trung bình xã hội đảm bảo trang trải đủ những chi phí cần thiết về kinh tế và xã hội theo quan điểm và tập quán của mỗi nước.

#### *2.1.2.4 Về nộp thuế*

Pháp luật quản lý thuế đã quy định thời hạn nộp thuế gắn với thời hạn nộp hồ sơ khai thuế để vừa đảm bảo phù hợp với tính chất của từng loại thuế, vừa tạo thuận lợi cho người nộp thuế dễ nhớ, dễ thực hiện và không phải làm các thủ tục hành chính thuế rả rác, giảm phiền hà cho người nộp thuế. Pháp luật quản lý thuế còn quy định về xử lý số tiền thuế nộp thừa.

Tuy nhiên, Luật Quản lý thuế quy định về xử lý số tiền thuế nộp thừa là chưa bao quát, nếu người nộp thuế có số tiền phạt, tiền chậm nộp thừa thì xử lý ra sao.

#### *2.1.2.5 Ấn định thuế*

Pháp luật quản lý thuế hiện hành quy định rõ: nguyên tắc ấn định thuế; các trường hợp ấn định thuế; cách thức ấn định; căn cứ ấn định thuế; thủ tục ấn định thuế và trách nhiệm của cơ quan thuế, người nộp thuế trong việc ấn định thuế.

Pháp luật quản lý thuế chưa phân biệt được trường hợp ấn định thuế do vi phạm pháp luật thuế và trường hợp ấn định thuế không do vi phạm pháp luật thuế như trường hợp người nộp thuế đã nộp hồ sơ khai thuế cho cơ quan quản lý thuế nhưng không tự tính được số thuế phải nộp, hoặc trường hợp ấn định mức thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế.

#### *2.1.2.6 Hoàn thuế*

Pháp luật quản lý thuế trao cho các chủ thể là người nộp thuế tuân thủ đúng các nghĩa vụ về đăng ký thuế quyền được hưởng các ưu đãi về thuế, cụ thể ở đây là ưu đãi về hoàn thuế. Sau khi hoàn tất đầy đủ các giấy tờ cần thiết trong hồ sơ hoàn thuế, người nộp thuế nộp lên cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền. Trách nhiệm của cơ quan thuế đó là tiếp nhận hồ sơ, sau đó giải quyết các hồ sơ hoàn thuế, cụ thể phân loại các hồ sơ hoàn thuế theo các diện:



- Hoàn thuế trước, kiểm tra sau
- Kiểm tra trước, hoàn thuế sau

Tuy nhiên, quy định về hoàn thuế trong pháp luật quản lý thuế cũng còn tồn tại một số hạn chế, cụ thể:

- Nếu như hoàn thuế trước, kiểm tra sau thuận lợi cho người nộp thuế thì kiểm tra trước, hoàn thuế sau lại gây ra rất nhiều khó khăn cũng như bất cập đối với cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế.

- Khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế quy định bộ hồ sơ hoàn thuế, bao gồm: văn bản yêu cầu hoàn thuế; các tài liệu liên quan đến yêu cầu hoàn thuế. Quy định này là chưa cụ thể, chưa rõ các loại giấy tờ, ngay cả khi chứng từ nộp thuế mà có số lượng lớn thì người nộp thuế phải nộp hết chứng từ hay chỉ nộp bảng kê chứng từ nộp thuế.

#### *2.1.2.7 Về thủ tục miễn thuế, giảm thuế*

Trường hợp miễn, giảm thuế phải do cơ quan thuế quyết định. Thời gian giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của cơ quan quản lý thuế là hơi dài, quyền lợi của người nộp thuế có thể bị ảnh hưởng do phải chờ đợi.

### ***2.1.3 Thực trạng pháp luật về giám sát và bảo đảm sự tuân thủ pháp luật trong quản lý thuế thu nhập cá nhân***

#### *2.1.3.1 Quản lý thông tin về người nộp thuế*

Khi chuyển sang thực hiện quản lý thuế theo cơ chế “tự khai, tự nộp thuế”, vấn đề thông tin về người nộp thuế trong quản lý thuế được xác định là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt. Luật quản lý thuế dành chương IX từ điều 69 đến điều 74 để quy định một nội dung mới quan trọng đó là thông tin về người nộp thuế.

Ở Việt Nam hiện nay, Luật quản lý thuế đã quy định một số nội dung về thông tin người nộp thuế.

Tuy nhiên, pháp luật về thông tin trong quản lý thuế còn một số hạn chế cần được tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, bổ sung và hoàn thiện:

- Một là, Luật quản lý thuế chỉ đưa ra một định nghĩa khái quát, chỉ

giới hạn phạm vi thông tin về người nộp thuế mà chưa làm rõ những thông tin, tài liệu nào là thông tin, tài liệu liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Vấn đề này khá quan trọng bởi vì liên quan đến trách nhiệm cung cấp thông tin của các chủ thể.

- *Hai là*, về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế, tại Khoản 4, Điều 70, Luật Quản lý thuế quy định: “Bộ Tài chính quy định cụ thể việc xây dựng, thu thập, xử lý và quản lý hệ thống thông tin về người nộp thuế”. Tuy nhiên, hiện nay những nội dung cụ thể này vẫn chưa được Bộ tài chính quy định.

- *Ba là*, về bảo mật thông tin của người nộp thuế, pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể nào về vấn đề này.

- *Bốn là*, theo Luật Quản lý thuế, cơ quan thuế chỉ có quyền công khai thông tin khi người nộp thuế vi phạm nghĩa vụ, tuy nhiên chỉ quy định mang tính chất định tính nên nhiều khi việc công khai thông tin về người nộp thuế do quyết định chủ quan của cơ quan thuế.

#### *2.1.3.2 Kiểm tra, thanh tra thuế thu nhập cá nhân*

Công tác thanh tra được tăng cường kiểm tra các hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế đối với các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh có bán các mặt hàng ô tô, xe máy, điện tử, dịch vụ ăn uống ...

Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng như Công an, Quản lý thị trường, Hải quan ... tiến hành kiểm tra đột xuất tại các doanh nghiệp, cửa hàng, siêu thị ... Xử lý nghiêm các trường hợp bán hàng không xuất hóa đơn, kê khai không đúng với thực tế doanh thu.

Tại Australia, các hình thức thanh tra thuế linh hoạt tùy theo từng hành vi tuân thủ như xem xét lại lịch sử thuế, lịch sử tuân thủ khi tiến hành thanh tra. Tại Anh, đối với hoạt động thanh kiểm tra, cơ quan thuế nâng cao hiệu quả chấp hành nghĩa vụ thuế thông qua việc áp dụng các phương pháp phân tích rủi ro tinh vi hơn.

#### *2.1.3.3 Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế*

*Thứ nhất*, Tại Điều 92 Luật Quản lý thuế quy định về các trường hợp

bị cưỡng chế nợ thuế trong đó có trường hợp “người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền phạt có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn”. Tuy nhiên, trong Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành không hề có quy định như thế nào là hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn hoặc những dấu hiệu thể hiện hành vi này.

*Thứ hai*, pháp luật quản lý thuế quy định cưỡng chế nợ thuế chưa đảm bảo tính khả thi.

#### *2.1.3.4 Xử lý vi phạm pháp luật về thuế*

Xử lý vi phạm pháp luật thuế ở nước ta hiện nay vẫn chưa đạt được mục tiêu làm thay đổi theo hướng tích cực hành vi tuân thủ thuế của người nộp thuế. Kinh nghiệm xử lý vi phạm pháp luật thuế ở một số quốc gia như Singapore, người nộp thuế được xếp vào nhóm tuân thủ pháp luật thuế tốt, nếu chậm nộp thuế quá 30 ngày thì mới bị nhắc nhở, sau đó người nộp thuế mà nộp đủ thuế thì ngay lập tức tiền phạt nộp chậm sẽ bị xóa bỏ. Cũng trường hợp tương tự, người nộp thuế thuộc diện tuân thủ thuế kém thì sẽ không được hưởng quyền này.

#### ***2.1.4 Thực trạng quản lý thuế thu nhập cá nhân của một số loại thu nhập cụ thể***

##### *2.1.4.1 Thu nhập từ tiền công, tiền lương*

Hoạt động quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công trong những năm qua vẫn còn một số hạn chế, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước, tạo ra sự bất công trong thực hiện nghĩa vụ giữa những người nộp thuế.

- Ngành thuế cho đến nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về một số khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công chịu thuế bao gồm: các khoản phụ cấp, trợ cấp kể cả sinh hoạt phí mà người lao động nhận được, trừ một số khoản được miễn trừ không tính vào thu nhập chịu thuế theo quy định.

- Ngành thuế chưa có biện pháp hữu hiệu để kiểm soát các khoản giảm trừ, đặc biệt là giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế.

#### 2.1.4.2 Những khoản thu không thường xuyên

*Thứ nhất*, pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với những khoản thu nhập không thường xuyên có diện thu nhập chịu thuế tương đối hẹp, nhiều khoản thu nhập của cá nhân đã bị bỏ qua như thu nhập từ tiền lãi do trì hoãn trả nợ, thu nhập từ nhật được của rơi, thu nhập từ khiếu hồi.

*Thứ hai*, quy định pháp luật về cơ sở tính thuế không rõ ràng, gây lúng túng cho cơ quan thuế trong việc xác định số thuế phải nộp đối với những khoản thu không thường xuyên.

### 2.2 Kinh nghiệm một số nước về quản lý thuế thu nhập cá nhân

#### 2.2.1 Về pháp luật thuế thu nhập cá nhân

##### - Xác định đối tượng nộp Thuế thu nhập cá nhân

Hiện nay, Thuế thu nhập cá nhân của hầu hết các nước trên thế giới chủ yếu dựa trên hai nguyên tắc đánh thuế, đó là: nguyên tắc đánh thuế theo cư trú và nguyên tắc đánh thuế theo nguồn phát sinh thu nhập.

Nguyên tắc nguồn phát sinh thu nhập được hầu hết các nước áp dụng để đánh thuế đối với các khoản thu nhập phát sinh tại nước đó của các đối tượng không cư trú. Cách đánh thuế này cũng phù hợp với những nước có nhiều người nước ngoài đến làm việc, đầu tư và công dân nước đó ít ra nước ngoài làm việc hoặc đầu tư.

##### - Xác định thu nhập chịu Thuế thu nhập cá nhân

Hiện có hai cách xác định thu nhập chịu thuế khác nhau trong lĩnh vực này: đó là thu nhập đã nhận (thu nhập gộp) hay thu nhập đã nhận được trừ một số khoản chi phí để tạo ra thu nhập.

Đối với các nước có quan điểm đánh thuế trên số thu nhập đã nhận thì thu nhập tính thuế được xác định là toàn bộ số tiền mà NNT đã nhận, không phân biệt đã phải bỏ ra ít hay nhiều chi phí để tạo ra thu nhập tính thuế.

Hầu hết các nước hiện nay (như: Nhật Bản, Indonesia, Malaysia, Thái Lan,...) đều xác định thu nhập chịu thuế là tổng thu nhập trừ đi tổng các khoản được giảm trừ của đối tượng đó trong kỳ tính thuế.

*- Xác định thu nhập không chịu Thuế thu nhập cá nhân*

Qua nghiên cứu Luật Thuế thu nhập cá nhân của các nước trên thế giới nói chung như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Malaysia... có thể thấy, hầu hết các nước phân biệt thu nhập không chịu thuế dựa vào các tiêu thức chủ yếu sau:

+ *Thứ nhất*, không chịu thuế vì lý do xã hội như: các khoản phúc lợi xã hội, học bổng, tiền bồi thường...

+ *Thứ hai*, không chịu thuế theo quy định của các Hiệp định, hiệp ước, thoả thuận quốc tế đã ký kết giữa các nước.

+ *Thứ ba*, không chịu thuế có thể vì lý do chính trị hoặc lý do quản lý như: các khoản thu nhập bất thường, ...

+ *Thứ tư*, miễn thuế vì lý do muốn khuyến khích một hoạt động cụ thể nào đó như: thu nhập từ quỹ lương hưu nhằm khuyến khích đóng góp lương hưu, hoặc thu nhập từ cổ phiếu trái phiếu không chịu thuế nhằm khuyến khích các hoạt động đầu tư gián tiếp.

*- Xác định khoản miễn, giảm Thuế thu nhập cá nhân*

*Phương án 1:* Trong luật thuế có quy định rõ những trường hợp miễn, giảm thuế cụ thể bằng mức tiền hoặc khung tỷ lệ phần trăm (%) trên số thuế phải nộp.

*Phương án 2:* Quy định miễn giảm thuế dưới hình thức tạm thời chưa thu thuế đối với một số khoản thu nhập.

*Phương án 3:* Dựa trên cơ sở kết hợp ưu điểm của 2 phương pháp trên. Theo đó vừa quy định miễn giảm thuế cho một số loại thu nhập, vừa cho phép miễn giảm một số tiền thuế nhất định đối với một số đối tượng trong những hoàn cảnh nhất định.

*- Xác định thuế suất và biểu thuế*

Hầu hết các nước đều chia ra làm hai loại thuế suất: thuế suất toàn phần và thuế suất lũy tiến. Từ kinh nghiệm thực tiễn và xu hướng cải cách thuế thu nhập cá nhân trên thế giới, biểu thuế nên thiết kế khoảng 5 -7 bậc với các mức thuế suất từ 5% đến 45% là hợp lý.

## ***2.2.2 Về pháp luật quản lý thuế***

*2.2.2.1 Pháp luật quản lý thuế ở bang Tasmania (Australia)*

*2.2.2.2 Pháp luật quản lý thuế ở Singapore.*

*2.2.2.3 Pháp luật quản lý thuế ở Trung Quốc*

## **Chương 3**

# **ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

## **3.1 Định hướng hoàn thiện pháp luật thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam**

*Thứ nhất*, pháp luật thuế thu nhập cá nhân phải được quy định phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

*Thứ hai*, pháp luật thuế thu nhập cá nhân phải là công cụ hữu hiệu để Nhà nước tăng thu ngân sách, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

*Thứ ba*, pháp luật thuế thu nhập cá nhân phải là công cụ để điều tiết nền kinh tế xã hội, nhưng phải đảm bảo yêu cầu bình đẳng, công bằng xã hội, đảm bảo tính đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, dễ kiểm tra, giám sát.

*Thứ tư*, pháp luật thuế thu nhập cá nhân phải đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đối tượng nộp thuế và có tính hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước.

*Thứ năm*, pháp luật thuế thu nhập cá nhân phải đáp ứng yêu cầu ổn định, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ với các quy định pháp luật của thuế thu nhập cá nhân đối với những khoản thu thường xuyên.

*Thứ sáu*, pháp luật thuế thu nhập cá nhân cần quy định phù hợp với thực trạng kinh tế xã hội.

*Thứ bảy*, phải đảm bảo nguyên tắc hội nhập quốc tế. Khi mà hội nhập đã trở thành một xu thế tất yếu thì yêu cầu về tính tương đồng (tính hội nhập) đã trở thành xu hướng chung của các nước trên thế giới khi xây dựng luật thuế thu nhập cá nhân.

## **3.2 Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân**

### **3.2.1 Quy định về quản lý thuế**

#### *- Xác định đối tượng nộp Thuế thu nhập cá nhân*

Việc kết hợp 2 tiêu thức cư trú và nguồn phát sinh thu nhập để xác định đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân trong Luật Thuế thu nhập cá nhân của Việt Nam là phù hợp với thực tiễn quản lý.

#### *- Quản lý giảm trừ gia cảnh*

Cũng giống như các nước đang phát triển, Việt nam lựa chọn áp dụng hình thức giảm trừ tiêu chuẩn để đảm bảo cho việc tính toán đơn giản, tiết kiệm chi phí hành thu, tạo thuận lợi cho NNT tuân thủ pháp luật và phù hợp với trình độ dân trí còn thấp.

#### *- Về cơ chế tự khai tự nộp thuế thu nhập cá nhân*

*Thứ nhất*, đơn giản hóa hệ thống pháp luật đảm bảo sự minh bạch, giúp người dân dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu chính sách thuế.

*Thứ hai*, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế tới người dân nhằm nâng cao trình độ dân trí, sự hiểu biết và nhất là ý thức tuân thủ pháp luật thuế.

*Thứ ba*, nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc kiểm tra tính trung thực, chính xác của các thông tin trong quá trình kê khai của đối tượng nộp thuế tương ứng với việc tự chịu trách nhiệm về tính trung thực chính xác của thông tin của người nộp thuế.

*Thứ tư*, cần có chế tài pháp luật đủ nghiêm để răn đe các hành vi vi phạm pháp luật thuế.

#### *- Về quản lý thông tin người nộp thuế*

Bảo mật thông tin của người nộp thuế là trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế, do đó, cơ quan thuế phải có trách nhiệm trong việc xây dựng một hệ thống và quản lý thông tin nhận được từ người nộp thuế hoặc tổ chức, cá nhân liên quan đến thông tin của người nộp thuế (như Ngân hàng, cơ quan cấp Giấy chứng nhận kinh doanh,...) trong hệ thống một cách chặt

chẽ, sát sao và bảo đảm các thông tin này phải được bảo mật. Cụ thể hơn, đối với các thông tin của người nộp thuế, cơ quan thuế cần phải có sự phân loại: thông tin thông thường và thông tin bí mật (nhạy cảm).

Pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm đối với cơ quan thuế trong việc giữ bí mật thông tin của người nộp thuế.

*- Ý thức tuân thủ pháp luật quản lý thuế*

*Thứ nhất*, sự thay đổi quan điểm về vị trí của người nộp thuế trong hệ thống thuế từ vị trí là “đối tượng bị quản lý” sang vị trí là “khách hàng” nhằm đảm bảo sự tự nguyện cao nhất của người nộp thuế.

*Thứ hai*, quản lý thuế dựa trên sự đánh giá, phân loại người nộp thuế theo mức độ tuân thủ nghĩa vụ thuế và theo đặc điểm quy mô của người nộp thuế.

*Thứ ba*, đa dạng hóa dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế, cung cấp thông tin thuận tiện, nhanh chóng và kịp thời.

*- Thời hạn, phương pháp kê khai thuế thu nhập cá nhân*

Thời hạn kê khai cần phải được quy định dài hơn nữa, việc thay đổi này yêu cầu cơ quan quản lý thuế cần phải nghiên cứu thực tế và xem xét các vấn đề để có thể quyết định kéo dài thêm bao lâu là phù hợp.

Mẫu biểu kê khai thuế thu nhập cá nhân cần cải tiến đơn giản, dễ hiểu, dễ kê khai cho NNT.

*- Tổ chức quản lý thu thuế*

Quản lý thuế thu nhập cá nhân cần phải lựa chọn hình thức đơn giản, phù hợp với đại đa số NNT, giảm chi phí quản lý hành chính cho cả NNT và cơ quan thuế.

### ***3.2.2 Quy định của pháp luật về quản lý thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công***

Khắc phục những hạn chế đã nêu ở phần trên, trong thời gian tới ngành thuế cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

- Tham mưu cho Chính phủ, Bộ Tài chính ban hành các Thông tư quy định cụ thể, chi tiết các khoản thu nhập chịu thuế.



- Kiến nghị về công tác tổ chức thu thuế: đẩy mạnh công tác quản lý thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân.

- Hoàn thiện pháp luật kiểm soát gian lận thuế thu nhập cá nhân: triển khai tốt các biện pháp nhằm ngăn chặn hiện tượng gian lận trong kê khai thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương.

- Đa dạng hóa các hình thức thu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công.

### ***3.2.3 Quản lý thuế thu nhập cá nhân đối với những khoản thu không thường xuyên***

*Thứ nhất*, đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Quy định mức thuế cho mỗi lần chuyển nhượng là không phù hợp với bản chất của thuế thu nhập cá nhân căn cứ vào thu nhập cá nhân để đánh thuế. Chỉ nên đánh thuế vào thu nhập thực tế của cá nhân trên cơ sở doanh thu trừ đi chi phí.

*Thứ hai*, đối với thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp người chuyển nhượng chỉ có duy nhất một nhà ở đưa vào diện thu nhập miễn thuế là không khả thi.

*Thứ ba*, việc phân biệt đối tượng cư trú và không cư trú chỉ nên giới hạn trong việc xác định các thủ tục hành chính thuế, không nên phân biệt về nghĩa vụ thuế.

*Thứ tư*, cần có quy định căn cứ tính thuế đối với cá nhân không cư trú.

*Thứ năm*, cần bổ sung các quy định kiểm tra, kiểm soát các khoản thu nhập không thường xuyên.

*Thứ sáu*, quy định cụ thể các chế tài pháp lý đối với các đối tượng nộp thuế hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thu thuế vi phạm các quy định của Luật. Qua đó, đối tượng nộp thuế mới nhận thức rõ được hậu quả pháp lý mà mình sẽ phải gánh chịu nếu vi phạm nghĩa vụ thuế. Từ đó, nâng cao trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân hơn.

## KẾT LUẬN

Với dự báo của các chuyên gia kinh tế, nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục có mức tăng trưởng cao, với hệ thống cơ chế, chính sách kinh tế ngày càng thông thoáng tạo thuận lợi cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh phát triển, số người dân có thu nhập cao sẽ tăng nhanh, sẽ có hàng chục triệu người có thu nhập thuộc diện nộp thuế thu nhập cá nhân. Đây chính là thách thức lớn đặt ra đối với công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế thu nhập cá nhân nói riêng

Quản lý thuế nói chung và Quản lý thuế thu nhập cá nhân là vấn đề rộng và phức tạp, chịu chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau. Do đó, để nâng cao hiệu quả quản lý thuế thu nhập cá nhân cần phải quan tâm đổi mới đồng bộ các yếu tố trong hệ thống quản lý thuế và môi trường quản lý thuế.